

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 689/2022/HS-PT
Ngày 20 tháng 9 năm 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Trần Xuân Minh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ước Minh Thanh Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 318/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Lê Thị A và các bị cáo khác; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

1/. **Lê Thị A**, sinh năm 1970 tại Long An; Nơi cư trú: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn B, sinh năm 1945 (chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1953; Anh, chị, em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1985; Có chồng tên Nguyễn Văn H1, sinh năm 1966 (chết) và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (vắng mặt)

2/. **Đặng Văn Sá M** (tên gọi khác: TC), sinh năm 1991 tại Long An; Nơi cư trú: Ấp C, xã H1, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Minh H2, sinh năm 1954 và bà Giang Thị T, sinh năm 1959; Anh, chị, em ruột có 07 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1996; Có vợ tên Võ Thị Cẩm T1, sinh năm 2000 và có 02 người con, sinh năm 2018 và năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị

bắt tạm giam từ ngày 01/4/2021 đến ngày 25/5/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. (có mặt)

3/. **Lê Thành T**, sinh năm 1994 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp G2, xã H1, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Lê Hồng D, sinh năm 1974 và không rõ họ tên cha; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

4/. **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1997 tại An Giang; Nơi cư trú: Ấp C, xã H1, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ph, không rõ năm sinh và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; Có 01 người anh, sinh năm 1991; Có vợ tên Lưu Thị Cẩm T (không đăng ký kết hôn) và 01 người con, sinh năm 2015; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 30/6/2020, bị Công an xã H1, huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đã nộp phạt; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Luật sư bào chữa cho bị cáo H: Luật sư Đặng Quang H, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

5/. **Thái Văn Ph**, sinh năm 2000 tại Long An; Nơi cư trú: Ấp C, xã H1, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thái Văn Ph1, sinh năm 1953 và bà Tót Th, sinh năm 1969; Có 01 người anh, sinh năm 1998; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

6/. **Đặng Văn Kh** (tên gọi khác: B), sinh năm 1989 tại Long An; Nơi cư trú: Ấp C, xã H1, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Minh H2, sinh năm 1954 và bà Giang Thị T, sinh năm 1959; Anh, chị, em ruột có 07 người, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1996; Có vợ tên Trương Thị Đ, sinh năm 1994 và 02 người con, sinh năm 2012 và năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Luật sư bào chữa cho bị cáo Kh: Luật sư Nguyễn Hoàng A, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Trong vụ án, còn có bị cáo Đặng Phương A1, Đặng Phương E, Nguyễn Văn Ch, Ngô Minh G, 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan tới kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ án thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 20/3/2021, Tổ công tác của Đoàn Biên phòng ST - BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Long An tuần tra kiểm soát từ mốc 229.13 (2) đến 230 (2) thuộc ấp ST, xã H2, huyện T, tỉnh Long An phát hiện Phạm Văn Ch1, sinh năm: 1974, HKTT: khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An đang đứng đợi bên lề đường cạnh có 02 xe máy. Thấy nghi vấn nên mở rộng khu vực tìm kiếm phát hiện đối tượng Đặng Phương E có hành vi đưa 02 đối tượng người Việt Nam gồm: Mạ Lập T, sinh năm: 1996 và Ninh Thị Th, sinh năm: 2002, cùng ngụ Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh đến biên giới để xuất cảnh sang Campuchia tìm việc làm.

Đặng Phương E khai nhận: Theo yêu cầu của 01 người tên H2 không rõ nhân thân, lai lịch dùng số điện thoại 0564601697 điện thuê Phương E chở 02 người khách (T và Th) từ nhà nghỉ HP, thị trấn T đến biên giới giao cho người phụ nữ tên M nhà ở ấp ST, xã H2, huyện T, tỉnh Long An giá 1.000.000đồng/người. Phương E đồng ý đến nhà nghỉ HP, Phương E thuê Phạm Văn Ch1 chở 01 người trả tiền công 200.000 đồng, Ch1 không biết người khách này lên biên giới xuất cảnh trái phép. Khi Phương E và Ch1 chở 02 người khách đến ấp ST, xã H2, huyện T, tỉnh Long An, Phương E dẫn 02 người này đi bộ trên đồng ruộng thì bị lực lượng tuần tra phát hiện bắt giữ.

Vụ án thứ hai: Vào khoảng 00 giờ 05 phút ngày 24/02/2021, Tổ công tác của Trạm Kiểm soát Biên phòng BR tuần tra đến khu vực đoạn từ cột mốc 230.1 (2) và mốc 230.2 (2) thuộc ấp BR, xã H, huyện T, tỉnh Long An phát hiện, bắt giữ 14 đối tượng dùng xuồng vượt biên giới trái phép sang Campuchia gồm: Hoàng Huy C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Khánh H, Nguyễn Hồ H, Lê Công Trung K, Phạm Như L, Trần Ngọc L, Lê Văn S, Hoàng Thống Nh, Hoàng Quốc Th, Hà Công T, Lê Văn X, Trần Thanh X.

Các đối tượng trên khai đều là những người thất nghiệp, qua mạng xã hội được một người tự xưng là người của Trung tâm giới thiệu việc làm bên Campuchia và hướng dẫn họ tập trung tại khách sạn G tại C, Thành phố Hồ Chí Minh, có người đón về T để đưa sang Campuchia.

Lê Thị A khai nhận có quen biết một người đàn ông (không rõ lai lịch) sử dụng số điện thoại 0325138978 thông qua người bạn làm chung trước đây tại Đồng Nai. Người sử dụng số điện thoại 0325138978 được xác định là Lý Hoàng A2, sinh năm: 1983, HKTT: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An làm chủ sở hữu (hiện Lý Hoàng A2 đã bỏ địa phương đi từ tháng 01/2021 cho đến nay). Người này biết A sống gần khu vực biên giới nên gợi ý cùng tham gia đưa người qua lại biên giới trái phép, thỏa thuận tiền công chở 01 người qua biên giới là 2.000.000 đồng. Đồng thời ứng cho A số tiền 35.000.000 đồng để mua xe lôi ba bánh làm phương tiện chở người. Địa điểm giao tiền cho A ở khu vực cầu H4, thị trấn V từ một thanh niên không rõ lai lịch. Ngày 10/02/2021, A đến thành

phố H, tỉnh Đồng Tháp mua 01 xe máy loi ba bánh biển số 66H1-3979 giao xe tận nhà A, A nhờ Sá M tìm nơi đậu xe.

Ngày 23/02/2021, người sử dụng số điện thoại 0325138978 cho A biết khoảng 17 giờ 30 phút đến kênh T3 đón người xuất cảnh sang Campuchia tiền công 2.000.000đồng/người, trừ vào số tiền ứng trước. Đến 15 giờ người này điện thoại cho A chuẩn bị và cho số điện thoại của tài xế xe ô tô để A liên lạc. Sau đó, A điện thoại cho Sá M kêu lấy xe máy ba bánh chạy xuống kênh T3 thuộc xã H5, huyện T để chở dê, hứa trả tiền công cho Sá M 1.000.000 đồng và kêu thêm người hỗ trợ đồng thời cho số điện thoại của tài xế xe ô tô để liên lạc. Sá M rủ thêm Nguyễn Văn Ch và kêu Ch đến cầu kênh T9 thuộc xã H, huyện T lấy xe máy ba bánh chạy đến rước Sá M. Trên đường đi Sá M điện thoại liên lạc với tài xế xe ô tô, khi đến cầu kênh T3 gặp xe ô tô 16 chỗ biển số 51B-25215 chở người nên Sá M biết đưa người sang Campuchia trái phép nên nói với A từ chối, nhưng A thuyết phục trả tiền công mỗi người 1.000.000 đồng nên Sá M và Ch tiếp tục thực hiện. Lúc này, A cũng chạy xe mô tô Vision biển số 60C2-735.84 đến chỗ xe ô tô 16 chỗ dẫn 11 người đến trốn trong ngôi nhà hoang bên đường, xe ô tô 16 chỗ chạy rời đi, A kêu 11 người lên xe ba bánh và phủ bạt lại, tiếp đến xe ô tô 07 chỗ chở 03 người khách nữa lên xe ba bánh, Ch phủ bạt lại cho Sá M điều khiển chở đến bờ kênh CC thuộc ấp BR, xã H, huyện T, tỉnh Long An. Sá M và Ch chạy xe ba bánh về, các đối tượng này sau đó bị lực lượng Biên phòng phát hiện và bắt giữ.

Ngô Minh G khai nhận: Trước đây, khi chạy xe dịch vụ Grab có chở một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không rõ lai lịch) đang sống ở Campuchia. Vào ngày 22/02/2021, người này điện thoại cho G thuê G ngay 23/02/2021, đón 14 người khách ở khách sạn G tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đi đến huyện T, tỉnh Long An giá 6.000.000 đồng để họ xuất cảnh sang Campuchia và hẹn trả tiền công vào ngày 24/02/2021 tại quán nước trên đường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. G đồng ý và thuê Nguyễn Văn H3 (Th1) tài xế xe ô tô 16 chỗ cùng chở khách với G. Sau khi, G và H3 giao khách cho A xong thì G và H3 về lại Thành phố Hồ Chí Minh, G trả cho H3 2.200.000 đồng.

Ngoài ra, G còn khai nhận: Trước đó từ tháng 11/2020 đến 23/02/2021, G còn đưa rước khoảng 03 lần chở 03 - 05 người Trung Quốc từ Thành phố Hồ Chí Minh đến khu vực cây xăng gần quán ăn TL trên đường kênh 79 thuộc huyện T, tỉnh Long An.

Vụ án thứ ba: Tối ngày 10/3/2021, Lê Thị A nhận được điện thoại của Lê Văn Nh, sinh năm: 1985, HKTT: ấp C, xã H1, huyện T, tỉnh Long An (em ruột của A, hiện gia đình Nh đã bỏ địa phương đi từ tháng 06/2020 đến nay) nhờ A tìm thêm người giúp đỡ tổ chức đưa người xuất cảnh sang Campuchia, A đồng ý (A dùng điện thoại của con trai tên Nguyễn Chí Th2, sinh năm 2011 để liên lạc). Nh hứa sẽ trả công mỗi người 1.000.000 đồng và trả cho A 2.000.000 đồng tiền công kiếm người làm cho Nh.

Khoảng 08 giờ 00 ngày 11/3/2021, Đặng Phương A1 và Lê Thành T đang ở quán nước của Trần Văn Ngh, Nh điện thoại cho Phương A1 nói đưa người xuất cảnh cho A. Lúc sau, A điện thoại cho Phương A1 tìm thêm vài người để chở người cho A từ đầu Kênh T11 đến cầu GM rồi dẫn ra bờ sông CC đưa sang Campuchia bằng cách bơi qua sông bằng áo phao, A cho biết có ghe của ông Ba X (em rểA) chở người đến Kênh T11, A trả tiền công mỗi người 1.000.000 đồng. T nghe cuộc điện thoại giữa A và Phương A1 nên xin cùng tham gia, Phương A1 rời khỏi quán Ngh thì gặp Ph, nói với Ph chở người cho A, A trả tiền công 1.000.000 đồng và kêu Ph kêu thêm người, Ph rủ H và Sá M. Trưa cùng ngày, Phương A1 và Ph đi dò đường bằng xe máy của Ph. Trưa ngày 11/3/2021, A điện cho Phương A1 nói có Ngh cùng tham gia và kêu Phương A1 kêu Đặng Phương E cùng làm, Phương A1 điện cho Phương E, Phương E đồng ý. Chiều ngày 11/3/2021, Phương A1 điện cho Đặng Văn Kh (em ruột Phương A1) cùng đi làm, Kh không đồng ý.

Khoảng 22 giờ 00 ngày 11/3/2021, A điện thoại cho Phương A1 nói ghe chở người đã đến Kênh T11, kêu tập trung mọi người đến đón rước. Phương A1 đến quán nước NN kêu Ph, T đi làm, Phương A1 kêu H lấy xe đến bờ hầm cá gần Kênh T11, Phương A1 kêu Ph đi ra khu vực cầu GM, Phương A1 kêu Phương E đang ở nhà Phương A1, T chở Phương A1 đi xe máy ra bờ hầm cá, Phương A1 điện cho Ngh đi đến cầu GM, Ngh chở Sá M và Ph cùng đi. Khi đến Kênh T11, ghe của ông Ba X chở 13 người Trung Quốc đợi sẵn, Ba X lấy 02 bao bên trong có đựng áo phao đem lên bờ. Khi 13 người Trung Quốc lên bờ, Phương A1 điện cho Kh hỏi đang ở đâu, Kh nói đang chỗ chần vịt, gần đường các đối tượng đưa người sang Campuchia, Phương A1 kêu Kh đi đến bờ hầm cá gần sông CC dùng đèn pin làm ám hiệu, nếu thấy không có người thì dùng đèn pha lên trời để cho Ph biết dẫn người sang Campuchia, Kh đồng ý vì biết Phương A1 sẽ trả tiền công. Sau đó, Phương A1 kêu H và T mỗi người, vác 01 bao đựng áo phao cùng Phương A1 dẫn 13 người Trung Quốc đi về chỗ bờ hầm cá nơi để xe máy, khi đi gần đến bờ hầm cá thì Phương A1 và 06 người Trung Quốc dừng lại không đi tiếp, T và H dẫn 07 người đến chỗ để xe cùng với Phương E chở 07 người này đến khu vực cầu GM giao cho Ph và Sá M dẫn theo đường ruộng đi về hướng sông CC và đưa sang Campuchia. Sau đó, Phương E, T và H quay lại chở 06 người Trung Quốc còn lại dẫn về giao cho Ph, H, T, và Sá M đưa 06 người này qua sông. H và Sá M chuyển balo và đồ dùng cá nhân của 13 người Trung Quốc nhưng chỉ chuyển được một ít, số còn lại quá nặng nên Sá M và H về tìm người phụ giúp. Sá M điện cho Ngh tìm túi nilon lớn để bọc đồ đưa qua sông.

Đến khoảng 01 giờ 00 ngày 12/3/2021, A gọi điện thoại kêu Ngh kiểm 03 bọc nilon lớn để chuyển đồ nhưng Ngh kiểm không có. Ngh điện thoại cho Sá M, lúc này Sá M trên đường về gặp Kh, Sá M đưa điện thoại cho Kh nói chuyện với Ngh, Kh kêu Ngh chạy lên biên giới, Kh sẽ tìm cho chiếc thau lớn cho Ngh mượn để đưa đồ qua sông. Khi Ngh chạy xe máy lên đường tuần tra biên giới tìm Kh thì bị lực lượng tuần tra phát hiện bắt giữ.

Vật chứng vụ án thu giữ:

Vụ thứ 1: 01 (một) xe máy biển số 62C1 - 069.10; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21 SM-A217F/DS (đã qua sử dụng) màu xanh dương, bên trong có gắn 01 (một) sim Vinaphone số 0949235996; 01 (một) điện thoại di động Nokia TA-1203 (đã qua sử dụng) màu xanh dương; 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 200.000đ (hai trăm ngàn đồng); 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 100.000đ (một trăm ngàn đồng);

Vụ thứ 2: 01 (một) xuồng nhựa Compusite màu xanh; 01 (một) xe máy loi ba bánh biển số 66H1-3979; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 (TA-1203) màu hồng cùng sim số 0925153582; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia (TA-1174) màu hồng cùng sim số điện thoại 0988814142; 01 (một) điện thoại di động Nokia (TA-1174) màu đen cùng 02 sim số điện thoại (số 0339571593 và 01 sim Vinaphone không rõ số); 01 (một) xe ô tô 07 chỗ biển số 66A-074.65 (tạm giao cho Trần Kim T, sinh năm: 1985, nơi cư trú: đường L, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý); 01 (một) điện thoại di động loại OPPO Reno2F màu xanh cùng sim số 0908581409; 01 (một) xe máy 02 bánh nhãn hiệu Honda Vision biển số 60C2-735-84;

Vụ thứ 3: 01 (một) xe máy hai bánh hiệu Honda RAMBO, màu đỏ (không biển số và không giấy chứng nhận đăng ký) của Nguyễn Trung H; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu vàng bên trong chứa 01 (một) sim Viettel số 0975340457; 01 (một) đèn pin đội đầu màu xanh của Đặng Văn Kh; 01 (một) xe máy hai bánh hiệu Honda GUIDA (không biển số và không giấy chứng nhận đăng ký) của Thái Văn Ph; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia RM-1035 màu đen bên trong chứa 01 (một) sim Viettel số 0972005554 và 01 (một) sim Vinaphone số 0949997745 của Trần Văn Ngh; 01 (một) xe máy hai bánh hiệu Honda PRASE (không biển số và giấy chứng nhận đăng ký), 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 Prime, màu đen bên trong chứa 02 (hai) sim điện thoại (01 sim Vinaphone số 0918834663 và 01 sim Viettel số 0378947368) của Đặng Phương E; 01 (một) xe hai bánh nhãn hiệu KWASHIORKOP, màu vàng, biển số 67H1-032.06 (không có giấy chứng nhận đăng ký), 01 (một) điện thoại di động hiệu M-power, màu xanh bên trong chứa 01 (một) sim Vinaphone số 0948997773 của Lê Thành T.

Tại Bản cáo trạng số 44/CT-VKSLA-P2 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đã truy tố các bị cáo Lê Thị A, Đặng Phương A1, Đặng Phương E, Đặng Văn Sá M, Nguyễn Văn Ch, Ngô Minh G, Lê Thành T, Nguyễn Trung H, Thái Văn Ph, Trần Văn Ngh, Đặng Văn Kh về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị A, Đặng Văn Sá M, Lê Thành T, Nguyễn Trung H, Thái Văn Ph, Đặng Văn Kh phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thị A 10 (mười) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Sá M 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/4/2021 đến ngày 25/5/2021.

Xử phạt bị cáo Lê Thành T 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Thái Văn Ph 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Kh 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn xử phạt đối với các bị cáo Đặng Phương A1, Đặng Phương E, Nguyễn Văn Ch, Ngô Minh G mức án từ 03 năm 06 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định.

Ngày 26/4/2022, bị cáo Lê Thành T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 29/4/2022, bị cáo Lê Thị A có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo Đinh Văn Kh có đơn kháng cáo đề nghị được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 04/5/2022, bị cáo Nguyễn Trung H có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; bị cáo Thái Văn Ph và Đặng Văn Sá M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 19/5/2022 bị cáo Lê Thành T có đơn thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Thị A được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do; đại diện Viện kiểm sát phúc thẩm đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo vì đây là phiên tòa lần thứ hai và bị cáo đã được tổng đạt hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Trung H, Thái Văn Ph, Đặng Văn Sá M và Đinh Văn

Kh thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm quy kết, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo vì các bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, bản thân chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo Lê Thành T thay đổi nội dung kháng cáo từ kêu oan sang xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo T cung cấp sổ khám bệnh chuẩn đoán bị rối loạn lo âu, mất ngủ; giấy xác nhận cậu của bị cáo có công với cách mạng.

Bị cáo H cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn và con của bị cáo bị khuyết tật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà có đủ cơ sở kết luận vì động cơ vụ lợi mà các bị cáo đã tổ chức cho 14 người Việt Nam và 13 người Trung Quốc vượt biên trái phép sang Campuchia. Hành vi của các bị cáo cấu thành tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Khi quyết định hình phạt Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và phân tích, đánh giá vai trò của từng bị cáo, từ đó xử phạt bị cáo A 10 năm tù, xử phạt bị cáo S M 08 năm tù, xử phạt các bị cáo T, H và Kh mỗi bị cáo 07 năm tù là phù hợp. Các bị cáo T và H có tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng xét mức hình phạt 07 năm tù là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Các luật sư bào chữa phát biểu:

Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Thống nhất về tội danh như án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên mức án 07 năm tù đối với bị cáo T là quá nặng vì bị cáo chỉ tham gia với vai trò đồng phạm, giúp sức, cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá sâu về vai trò đồng phạm của bị cáo. Bị cáo chỉ là người thừa hành theo sự chỉ đạo của bị cáo đầu vụ. Tại phiên toà hôm nay bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo bị rối loạn giấc ngủ, có cậu là người có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H: Thống nhất về tội danh như án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá lại vai trò đồng phạm của bị cáo trong vụ án là không đáng kể, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ bị khuyết tật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “phạm tội do hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do tự mình gây ra” theo điểm g khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Kh: Thống nhất tội danh như án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm, vai trò mờ nhạt, không đáng kể nên mức án 07 năm tù là quá nặng. Bị cáo Phương A1 có vai trò đồng phạm cao hơn bị cáo nhưng cũng bị xử phạt 07 năm tù như vậy là không công bằng với bị cáo. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Thị A, Lê Thành T, Nguyễn Trung H, Thái Văn Ph, Đặng Văn Sá M và Đinh Văn Kh đúng về hình thức, nội dung, nộp trong hạn luật định nên kháng cáo của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bị cáo Lê Thị A đã được triệu tập lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật hình sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Vì mục đích vụ lợi nên ngày 23/02/2021 Lê Thị A cùng với Đặng Văn Sá M và Nguyễn Văn Ch sử dụng xe ba bánh chở 14 người Việt Nam đến khu vực đoạn từ cột mốc 230.1 (2) và mốc 230.2 (2) thuộc ấp BR, xã H, huyện T, tỉnh Long An để dùng xuồng đưa 14 người này vượt biên giới trái phép sang Campuchia, đến khoảng 00 giờ 05 phút ngày 24/02/2021, Tổ công tác của Trạm Kiểm soát Biên phòng BR tuần tra phát hiện bắt giữ. Tiếp đến ngày 10/3/2021 và tối ngày 11/3/2021 Lê Thị A cùng với Lê Văn Nh, Đặng Phương A1, Đặng Phương E, Lê Thành T, Thái Văn Ph, Nguyễn Trung H, Đặng Văn Sá M và Đinh Văn Kh tổ chức cho 13 người Trung Quốc sử dụng áo phao vượt biên trái phép qua sông CC tại khu vực đoạn giữa Mốc 230.6 (2) và Mốc 230.7 (2) thuộc ấp G2, xã H1, huyện T, tỉnh Long An sang Campuchia thì bị Tổ tuần tra Đồn Biên phòng ST phát hiện bắt giữ.

[4] Quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bị cáo T, H, Kh, Sá M và Ph thừa nhận diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập cảnh của Nhà nước, ngoài ra còn gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”

theo quy định tại Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do các bị cáo tổ chức cho 14 người Việt Nam, 13 người Trung Quốc vượt biên trái phép nên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “Đối với 11 người trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo của các bị cáo:

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, các bị cáo đều chung mục đích tổ chức đưa 14 người Việt Nam và 13 người Trung Quốc vượt biên sang Campuchia để hưởng tiền công. Trong vụ án này, bị cáo Lê Thị A là người có vai trò chính, chủ mưu, cầm đầu, trực tiếp liên hệ, thỏa thuận tiền công, chuẩn bị phương tiện, chỉ huy việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Toà án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo A mức án 10 năm tù là thoả đáng, không nặng. Đối với các bị cáo H, Kh, Sá M, T và Ph đều tham gia với vai trò đồng phạm là người thực hành, trực tiếp thực hiện việc đón và chở người xuất cảnh trái phép để nhận tiền công. Khi quyết định hình phạt, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá về tính chất hành vi, hậu quả của tội phạm, xem xét nhân thân, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo và xử phạt bị cáo Sá M 08 năm tù, xử phạt các bị cáo T, H, Ph, Kh mỗi bị cáo 07 năm tù là phù hợp, tương xứng với vai trò của từng bị cáo, không nặng. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Sá M, Kh và Ph không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, đối với các bị cáo T, H mặc dù có tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng xét mức án nêu trên là phù hợp, khởi điểm của khung hình phạt nên không thể giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo này. Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ, được chấp nhận.

[7] Quan điểm của các luật sư bào chữa cho bị cáo T, H và Kh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo này là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị A, Đặng Văn Sá M, Lê Thành T, Nguyễn Trung H, Thái Văn Ph và Đinh Văn Kh.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2022/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

1/. Tuyên bố các bị cáo: Lê Thị A, Đặng Văn Sá M, Lê Thành T, Nguyễn Trung H, Thái Văn Ph và Đặng Văn Kh phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

2/. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

2.1/. Xử phạt bị cáo Lê Thị A 10 (mười) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.2/. Xử phạt bị cáo Đặng Văn Sá M 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án, nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/4/2021 đến ngày 25/5/2021.

3/. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

3.1/. Xử phạt bị cáo Lê Thành T 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3.2/. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3.3/. Xử phạt bị cáo Thái Văn Ph 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3.4/. Xử phạt bị cáo Đặng Văn Kh 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

4/. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Thị A, Đặng Văn Sá M, Lê Thành T, Nguyễn Trung H, Thái Văn Ph và Đặng Văn Kh phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

5/. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Long An (7);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (1);
- Công an tỉnh Long An (1);
- BCTN (6);
- Lưu VP(3), HS(2).24b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh

